

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán ngân sách Thành phố năm 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Pleiku khoá XII - Kỳ họp thứ Hai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ về ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Xét đề xuất của Trường phòng Tài chính – Kế hoạch Thành phố tại Văn bản số 1140/TCKH-QLNS ngày 15/7/2021;

UBND Thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố khóa XII, kỳ họp thứ Hai xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách Thành phố năm 2020, với một số nội dung cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THU-CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020.

1. Tình hình thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn:

Dự toán thu ngân sách Nhà nước năm 2020 theo kế hoạch Tỉnh giao: 1.311,610 tỷ đồng; Dự toán thu ngân sách Thành phố được hưởng: 1.091,760 tỷ đồng.

Nghị quyết Kỳ họp thứ Nhất HĐND thành phố Khóa XII giao thu ngân sách Nhà nước năm 2020 là: 1.536,260 tỷ đồng; Thu ngân sách Thành phố được hưởng: 1.326,410 tỷ đồng.

Số quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn năm 2020: 1.069,986 tỷ đồng (Không kể thu kết dư, thu chuyển nguồn, thu bổ sung, thu cấp dưới nộp lên), bằng 81,58% kế hoạch Tỉnh giao, bằng 69,65% kế hoạch Thành phố giao, tăng 13,3% so với cùng kỳ. Quyết toán thu ngân sách Thành phố được hưởng năm 2020: 1.377,361 tỷ đồng, đạt 126,2% kế hoạch Tỉnh giao, đạt 103,8% kế hoạch Thành phố giao, tăng 3% so với cùng kỳ.

1.1 Các khoản thu đạt kế hoạch: Thu tiền cho thuê đất, mặt nước đạt 218,34%, thu khác và phạt các loại đạt 169,88% kế hoạch.

1.2. Các khoản thu chưa đạt kế hoạch so với dự toán HĐND Thành phố giao: Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh bằng 91,60% kế hoạch; lệ phí trước bạ bằng 62,36% kế hoạch; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp bằng 83,31% kế hoạch; thuế thu nhập cá nhân bằng 90,10% kế hoạch; phí và lệ phí bằng 89,81% kế hoạch; tiền sử dụng đất và đấu giá quyền sử dụng đất bằng 52,96% kế hoạch; phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế quản lý bằng 86,47% kế hoạch; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: bằng 66,28% kế hoạch.

2. Tình hình chi ngân sách địa phương:

Năm 2020, dự toán chi ngân sách Thành phố được UBND tỉnh Gia Lai giao: 1.091,760 tỷ đồng; Nghị quyết HĐND Thành phố giao: 1.326,410 tỷ đồng.

Kết quả thực hiện chi ngân sách năm 2020: Tổng chi ngân sách Thành phố: 1.291,953 tỷ đồng, đạt 118,34% kế hoạch Tỉnh giao, bằng 97,4% kế hoạch Thành phố giao và tăng 11,22% so với cùng kỳ.

II. PHÊ CHUẨN QUYẾT TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020.

Để đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, UBND thành phố đề nghị HĐND Thành phố xem xét phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách năm 2020 với các số liệu tổng hợp như sau:

| | |
|---|--------------------------------|
| 1. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: | 1.069.985.525.770 đồng. |
| <i>(Không kể thu kết dư, thu chuyển nguồn, thu bổ sung, thu cấp dưới nộp lên)</i> | |
| 2. Tổng thu ngân sách Thành phố: | 1.377.360.747.303 đồng. |
| <i>Gồm:</i> | |
| - Thu ngân sách Thành phố hưởng theo phân cấp: | 776.267.741.334 đồng. |
| - Thu bổ sung từ ngân sách Tỉnh: | 240.735.928.553 đồng. |
| - Thu chuyển nguồn năm 2019 chuyển sang: | 183.594.269.750 đồng. |
| - Thu kết dư ngân sách năm 2019 chuyển sang: | 175.759.625.282 đồng. |
| - Thu ngân sách cấp dưới nộp lên: | 1.003.182.384 đồng. |
| 3. Tổng chi ngân sách Thành phố: | 1.291.952.866.979 đồng. |
| <i>Gồm:</i> | |
| - Chi đầu tư phát triển: | 448.181.880.560 đồng. |
| - Chi thường xuyên: | 712.072.826.780 đồng. |
| - Chi chuyển nguồn: | 97.207.253.255 đồng. |
| - Chi nộp ngân sách cấp trên: | 34.490.906.384 đồng. |
| 4. Kết dư ngân sách Thành phố (2)-(3) | 85.407.880.324 đồng. |

Gồm:

- Ngân sách cấp Thành phố: 66.134.866.381 đồng.
- Ngân sách xã, phường: 19.273.013.943 đồng.

UBND Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố Pleiku khóa XII - Kỳ họp thứ Hai xem xét phê chuẩn quyết toán ngân sách Thành phố năm 2020./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr Thành ủy (B/cáo);
- Lãnh đạo UBND Tp;
- Phòng TCKH Tp (theo dõi);
- Lãnh đạo VP Tp;
- Các CVVP (theo dõi);
- Lưu: VT.

VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Quế

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số: 316/TTr-UBND ngày 16/7/2021 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nội dung | Dự toán | Quyết toán | So sánh | |
|------------|--|------------------|------------------|----------------|---------------|
| | | | | Tuyệt đối | Tương đối (%) |
| A | B | 1 | 2 | 3=2-1 | 4=2/1 |
| A | TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ | 1.326.410 | 1.377.361 | 50.951 | 103,84 |
| I | Thu ngân sách thành phố được hưởng theo phân cấp | 1.143.440 | 776.268 | -367.172 | 67,89 |
| - | Thu ngân sách thành phố hưởng 100% | 1.143.440 | 776.268 | -367.172 | 67,89 |
| - | Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia | | | | |
| II | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | 172.970 | 240.736 | 67.766 | 139,18 |
| 1 | Thu bổ sung cân đối | 106.449 | 106.449 | | 100,00 |
| 2 | Thu bổ sung có mục tiêu | 66.521 | 134.287 | 67.766 | 201,87 |
| III | Thu từ quỹ dự trữ tài chính | | | | |
| IV | Thu kết dư | 10.000 | 175.760 | 165.760 | 1.757,60 |
| V | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | - | 183.594 | 183.594 | |
| VI | Thu cấp dưới nộp lên | | 1.003 | 1.003 | |
| B | TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ | 1.326.410 | 1.291.953 | -34.457 | 97,40 |
| I | Tổng chi cân đối ngân sách thành phố | 1.326.410 | 1.194.746 | -131.664 | 90,07 |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | 616.865 | 448.182 | -168.683 | 72,65 |
| 2 | Chi thường xuyên | 689.040 | 712.073 | 23.033 | 103,34 |
| 3 | Chi trả nợ lãi các khoản lãi do chính quyền địa phương vay | | | | |
| 4 | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | | | | |
| 5 | Dự phòng ngân sách | 20.505 | | -20.505 | - |
| 6 | Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương | | | | |
| 7 | Chi nộp NS cấp trên | | 34.491 | 34.491 | |
| II | Chi các chương trình mục tiêu | | | | |
| 1 | Chi các chương trình mục tiêu quốc gia | | | | |
| 2 | Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ | | | | |
| III | Chi chuyển nguồn sang năm sau | | 97.207 | 97.207 | |

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số: 316/TTr-UBND ngày 16/7/2021 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nội dung | Dự toán | Quyết toán | So sánh (%) | |
|----------|---|------------------|------------------|-----------------|---------------|
| | | | | Tuyệt đối | Tương đối (%) |
| A | B | 1 | 2 | 3=2-1 | 4=2/1 |
| | TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ | 1.326.410 | 1.291.953 | -34.457 | 97,4 |
| A | CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ | 1.326.410 | 1.160.255 | -166.155 | 87,5 |
| I | Chi đầu tư phát triển | 616.865 | 448.182 | -168.683 | 72,7 |
| 1 | Chi đầu tư cho các dự án | 616.865 | 393.960 | -222.905 | 63,9 |
| | <i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực:</i> | | | | |
| | Chi quốc phòng | | 1.650 | | |
| | Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội | | 2.980 | | |
| | Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề | | 107.304 | | |
| | Chi Văn hóa thông tin | | 8.646 | | |
| | Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn | | | | |
| | Chi Thể dục thể thao | | | | |
| | Chi Bảo vệ môi trường | | | | |
| | Chi các hoạt động kinh tế | | 268.734 | | |
| | Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể | | 4.645 | | |
| | Chi Bảo đảm xã hội | | | | |
| | <i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn:</i> | | | | |
| | - Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất | 575.865 | 380.965 | -194.900 | 66,2 |
| | - Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết | | | | |
| 2 | Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật | | 500 | 500 | |

| STT | Nội dung | Dự toán | Quyết toán | So sánh (%) | |
|------------|--|----------------|----------------|----------------|---------------|
| | | | | Tuyệt đối | Tương đối (%) |
| A | B | 1 | 2 | 3=2-1 | 4=2/1 |
| 3 | Chi đầu tư phát triển khác | | 53.722 | 53.722 | |
| II | Chi thường xuyên | 689.040 | 712.073 | 23.033 | 103,3 |
| | Trong đó: | | | | |
| 1 | Chi quốc phòng | 17.185 | 15.947 | -1.238 | 92,8 |
| 2 | Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội | 8.270 | 5.292 | -2.977 | 64,0 |
| 3 | Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề | 341.085 | 343.678 | 2.594 | 100,8 |
| 4 | Chi Khoa học và công nghệ | 510 | 499 | -11 | 97,8 |
| 5 | Chi Y tế, dân số và gia đình | 1.729 | 1.514 | -215 | 87,5 |
| 6 | Chi Văn hóa thông tin | 4.366 | 5.778 | 1.412 | 132,3 |
| 7 | Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn | 2.098 | 1.970 | -129 | 93,9 |
| 8 | Chi Thể dục thể thao | 3.252 | 2.876 | -375 | 88,5 |
| 9 | Chi Bảo vệ môi trường | 43.050 | 43.225 | 175 | 100,4 |
| 10 | Chi các hoạt động kinh tế | 58.303 | 71.376 | 13.073 | 122,4 |
| 11 | Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể | 164.008 | 165.655 | 1.647 | 101,0 |
| 12 | Chi Bảo đảm xã hội | 35.168 | 54.006 | 18.838 | 153,6 |
| 13 | Chi khác | 10.016 | 256 | -9.760 | 2,6 |
| III | Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay | | | | |
| IV | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | | | | |
| V | Dự phòng ngân sách | 20.505 | | -20.505 | - |
| VI | Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương | | | | |
| B | CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU | | | | |
| C | CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU | | 97.207 | 97.207 | |
| D | CHI NỘP NS CẤP TRÊN | | 34.491 | 34.491 | |

